

Số: 38 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 04 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ nhân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019 cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, cán bộ chiến sỹ thuộc lực lượng vũ trang, cán bộ thuộc UBND xã, phường, thị trấn và các đối tượng chính sách

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 643-TB/VPTU ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Văn phòng Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 5058/STC-QLNS-DN ngày 18 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; cán bộ, chiến sỹ thuộc các lực lượng vũ trang; cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, khu phố; các đối tượng chính sách của tỉnh nhân dịp Tết Kỷ Hợi năm 2019 theo các mức cụ thể như sau:

1. Mức 1.000.000 (Một triệu) đồng, gồm:

a) Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác ở các cơ quan hành chính sự nghiệp (kể cả cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan hành chính sự nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh), cơ quan Đảng, Đoàn thể, Hội quần chúng.

b) Cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang thuộc tỉnh đang được cử đi học tập trung tại các trường chuyên nghiệp, trường bổ túc văn hóa, trường dạy nghề, các trường Đảng, Đoàn thể và các trường quân đội còn trong biên chế ở cơ quan nhưng đã chuyển tiền lương về các trường quản lý chi trả.

c) Cán bộ và chiến sỹ quân đội nhân dân Việt Nam thuộc cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, cơ quan Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

d) Cán bộ và chiến sỹ Công an nhân dân thuộc Công an tỉnh và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

đ) Cán bộ hưu trí, cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa.

e) Đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện không hưởng lương từ ngân sách nhà nước; đại biểu HĐND cấp xã; cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, khu phố (trừ đại biểu và cán bộ chuyên trách, công chức, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là cán bộ hưu trí hoặc công chức, viên chức trong biên chế Nhà nước đang tăng cường công tác tại xã, phường và thị trấn đã được hưởng theo quy định tại các điểm nêu trên của Quyết định này).

g) Bà mẹ được Nhà nước phong tặng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

h) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (kể cả thương binh B), bệnh binh, công nhân viên chức bị tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp có tỷ lệ mất sức lao động từ 61% trở lên. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.

i) Người lao động hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế được giao trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; người lao động hợp đồng trong chỉ tiêu định biên lao động được giao của đơn vị sự nghiệp; người lao động hợp đồng theo chỉ tiêu hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được giao trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; người lao động hợp đồng thực hiện nhiệm vụ nấu ăn tại các trường mầm non, trường dân tộc nội trú.

k) Cán bộ xã già yếu nghỉ việc trước đây đã giải quyết hưởng chế độ theo Quyết định số 130/CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111/HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) trước khi ban hành các Nghị định số 46/CP ngày 23/6/1993, Nghị định số 50/CP ngày 26/7/1995 và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ.

l) Những người lao động làm việc theo hình thức hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước như cán bộ, công chức, viên chức (kể cả những trường hợp do các cơ quan, đơn vị, địa phương ký hợp đồng lao động chờ thi tuyển trong chỉ tiêu biên chế). Người lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được các cơ quan, đơn vị tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu công việc của cơ quan, đơn vị.

2. Mức 800.000 (Tám trăm ngàn) đồng, gồm:

a) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (kể cả thương binh B) có tỷ lệ mất sức lao động từ 21% đến 60%; bệnh binh có tỷ lệ mất sức lao động từ 41% đến 60%; công nhân viên chức bị tai nạn lao động

và bệnh nghề nghiệp có tỷ lệ mất sức lao động từ 31% đến 60%; người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng và trợ cấp 01 lần; người hoạt động kháng chiến hưởng trợ cấp một lần (kể cả những người được hưởng trợ cấp một lần theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ); người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày; thân nhân chủ yếu của liệt sỹ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người phục vụ thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học sống ở gia đình. Thanh niên xung phong đã có quyết định hưởng chế độ thường xuyên hoặc một lần. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 21% đến 60%; con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị dị dạng, dị tật đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

b) Quân nhân đang hưởng trợ cấp hàng tháng và 01 lần theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11/4/2002, Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hàng tháng và 01 lần theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Công chức, viên chức nghỉ chính sách đang hưởng chế độ mất sức lao động dài hạn, nghỉ chờ hưu.

e) Thân nhân chủ yếu của người chết đang hưởng tuất từ trần.

f) Dân quân thuộc tiểu đội thường trực tại các xã, phường, thị trấn, Ban Chỉ huy quân sự huyện, thị xã, thành phố; dân quân thuộc tiểu đội cơ động làm nhiệm vụ trực sẵn sàng chiến đấu tại các xã, phường, thị trấn (mỗi xã, phường, thị trấn là 09 đồng chí) và lực lượng bảo vệ dân phố tại các phường.

3. Đối với các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị được giao tự chủ tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ: tự giải quyết hỗ trợ cho công chức, viên chức, người lao động của đơn vị mình nhân dịp Tết Kỷ Hợi năm 2019 theo khả năng bằng quỹ khen thưởng hoặc quỹ phúc lợi. Trường hợp đơn vị không có quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi thì được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ nhưng mức chi không quá **1.000.000 (Một triệu) đồng/người**.

4. Các đối tượng được hỗ trợ theo điểm 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, nếu trùng các mức trợ cấp nói trên thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 2.

1. Hỗ trợ tiền thờ cúng liệt sỹ cho thân nhân liệt sỹ không hưởng trợ cấp tuất liệt sỹ hàng tháng nhưng đang giữ bằng Tổ quốc ghi công và thờ cúng liệt sỹ nhân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019.

- Mức hỗ trợ: **800.000 đồng/01 suất** thờ cúng liệt sỹ (Mỗi liệt sỹ một suất hỗ trợ).

- Các đối tượng đã được hỗ trợ theo Điều 1 của Quyết định này, nếu thuộc đối tượng là thân nhân liệt sỹ không hưởng trợ cấp hàng tháng nhưng đang giữ bằng Tổ quốc ghi công và thờ cúng liệt sỹ thì được hỗ trợ thêm tiền thờ cúng quy định tại Điều 2 Quyết định này.

2. Hỗ trợ tiền thờ cúng đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng đã mất cho thân nhân thờ cúng trực tiếp với mức hỗ trợ: **800.000 đồng/01 suất** thờ cúng (Mỗi Bà mẹ Việt Nam anh hùng đã mất một suất hỗ trợ).

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019:

- Đối với các đơn vị thuộc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: Ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính sử dụng nguồn chi khác ngân sách tỉnh năm 2019 để xét duyệt, cấp kinh phí chi trả tiền hỗ trợ Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019.

- Đối với các đơn vị hành chính, sự nghiệp cấp tỉnh, lực lượng vũ trang Công an, Quân sự (bao gồm dân quân thuộc tiểu đội thường trực tại các xã, phường, thị trấn, Ban Chỉ huy quân sự huyện, thị xã, thành phố), Biên phòng sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên được giao theo Quyết định số 3437/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh để chi trả.

- Đối với huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn (bao gồm dân quân thuộc tiểu đội cơ động làm nhiệm vụ trực sẵn sàng chiến đấu tại các xã, phường, thị trấn (mỗi xã, phường, thị trấn là 09 đồng chí) và lực lượng bảo vệ dân phố) do ngân sách huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn tự cân đối chi trả.

- Đối với các đối tượng chính sách: Giao Sở Tài chính căn cứ vào dự toán kinh phí được giao theo Quyết định số 3437/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh, cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố để chi trả.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan tài chính các cấp bảo đảm nguồn kinh phí để số tiền hỗ trợ Tết phải đến các đối tượng được hưởng như quy định **trước ngày 25/01/2019.**

- Cơ quan chủ quản (đơn vị dự toán cấp 1) có nhiệm vụ lập, phân bổ dự toán gửi cơ quan tài chính thẩm định theo quy định; đồng thời chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện chi trả cho đối tượng được hưởng theo quy định **trước ngày 25/01/2019** và kiểm tra, giám sát việc chi trả và thanh quyết toán theo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

- Sở Lao động Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc chi trả cho các đối tượng chính sách quy định tại Quyết định này; phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh hướng dẫn Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận kinh phí để Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chi trả hỗ trợ Tết Kỷ Hợi năm 2019 của UBND tỉnh cho đối tượng quy định tại Quyết định này do ngành Bảo hiểm xã hội quản lý chi trả lương, trợ cấp hàng tháng; đảm bảo số tiền hỗ trợ Tết phải đến các đối tượng chính sách **trước ngày 25/01/2019**.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh xã hội, Phòng Tài chính - Kế hoạch và các địa phương, đơn vị tổ chức chi trả tiền hỗ trợ Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019 trên địa bàn, đảm bảo số tiền hỗ trợ Tết phải đến các đối tượng chính sách **trước ngày 25/01/2019**.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị cơ sở căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- Cơ quan thuộc HĐND tỉnh;
- Cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Lưu: VT, QTTV, THVy.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Hai